TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/DS- PT
Ngày: 13/3/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Các thẩm phán: Bà Triệu Thị Luyện, ông Nguyễn Hà Giang.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/3/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 293/2023/TLPT- DS ngày 24/11/2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản "*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 68/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Tân Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2024/QĐPT-DS ngày 2/2/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐ-PT ngày 23/02/2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Vương Kiều A, (tên gọi khác T), sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. Đồng bị đơn:

- Ông Vũ Xuân T1, sinh năm 1957 (có mặt)
- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà L là ông Vũ Xuân T1 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Anh Phạm Xuân H, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh H là chị Vương Kiều A (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

**** Người kháng cáo:*** bị đơn là ông Vũ Xuân T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Vương Kiều A trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, vợ chồng chị có cho ông Vũ Xuân T1, bà Nguyễn Thị L cùng phố vay tiền để đáo hạn Ngân hàng và làm ăn kinh doanh, cụ thể như sau: Ngày 17/4/2014 (dương lịch) ông T1, bà L vay của vợ chồng chị số tiền 926.000.000đ (chín trăm hai mươi sáu triệu đồng), thời hạn vay 30 ngày, lãi suất thỏa thuận miệng. Hai bên có viết giấy vay tiền, chị đã đưa tiền trực tiếp cho ông T1, bà L. Sau khi vay tiền ông T1, bà L đã trả cho chị 02 lần cụ thể; ngày 07/5/2015 trả 42.500.000đ; ngày 16/11/2015 trả 50.000.000đ; tổng 2 lần trả 92.500.000đ. Tổng số tiền vợ chồng ông T1, bà L còn nợ là 833.500.000đ và tiền lãi chưa trả được đồng nào. Nay chị yêu cầu ông T1, bà L trả vợ chồng chị số tiền gốc còn nợ là 833.500.000đ, và yêu cầu trả lãi là 749.000.000đ.

Bị đơn là ông Vũ Xuân T1 trình bày:

Ngày 17/4/2014 dương lịch tức ngày 18/3/2014 âm lịch, vợ chồng ông có vay của chị Vương Kiều A, anh Phạm Xuân H số tiền 926.000.000đ để đáo nợ Ngân hàng là đúng, thời hạn vay là 30 ngày, lãi suất không ghi trong giấy nhưng thỏa thuận miệng bên ngoài là 2.000đ/1 triệu/1 ngày. Sau khi vay ông đã trả chị Kiều A hết nợ rồi không còn nợ tiền chị Kiều A nữa. Việc trả tiền cụ thể.

- Ngày 24/4/2014 dương lịch trả 95.000.000đ chị T2 là chị dâu chị Kiều A nhận hộ.
- Ngày 09/5/2014 dương lịch, trả số tiền 30.000.000đ, chị T2 nhận hộ.
- Ngày 06/5/2015 dương lịch trả trực tiếp cho chị Kiều A 340.000.000đ.
- Ngày 19/3/2015 âm lịch tức ngày 07/5/2015 dương lịch trả trực tiếp cho chị Kiều A số tiền 42.500.000đ.
- Ngày 16/11/2015 dương lịch tức ngày 05/10/2015 âm lịch trả trực tiếp cho chị Kiều A số tiền 50.000.000đ.

Sau đó chị Kiều A tự tính toán tiền gốc, lãi thành số tiền hơn một tỷ và bảo ông nếu đồng ý trả ngay thì chỉ tính là 1.000.000.000đ, thấy có lợi nên ông nhất trí. Vì vậy ngày 07/10/2015 ông đã trả chị kIều A1 400.000.000đ và ngày 09/10/2015 trả tiếp số tiền là 575.000.000đ và còn lại số tiền 25.000.000đ. Sau khoảng 10 ngày, ông cũng đã trả chị Kiều A số tiền 25.000.000đ nói trên. Do tin tưởng chị Kiều A nên ông không lấy lại giấy vay tiền. Ông xác định vợ chồng ông không còn nợ tiền gì chị Kiều A nữa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Xuân H trình bày: Anh là chồng chị Kiều A anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị Kiều A, do bận công việc nên anh ủy quyền cho chị Vương Kiều A thay mặt anh quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc kiện đòi

tiền của ông T1, bà L. Quyết định của chị Kiều A cũng là quyết định của anh.

- Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là vợ ông Vũ Xuân T1, bà nhất trí với ý kiến trình bày của ông Vũ Xuân T1. Bà xác nhận vợ chồng bà có vay của chị Vương Kiều A số tiền 926.000.000đ nhưng đến năm 2015 đã trả hết, không còn nợ tiền gì của chị Kiều A, anh H nữa.

- Chị Nguyễn Thị Thanh T2 trình bày: Chị là chị dâu của chị Vương Kiều A. Chị thường xuyên sang trông nhà giúp chị Kiều A. Ngày 24/4/2014 và ngày 09/5/2014 dương lịch, ông T1 có đem tiền sang trả chị Kiều A nhưng chị Kiều A không có nhà nên chị có nhận hộ số tiền 95.000.000đ và số tiền 30.000.000đ. Khi nhận tiền, chị đều viết giấy nhận tiền cho ông T1. Số tiền nhận của ông T1 chị đã trả lại cho chị Kiều A.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Kiều A xác nhận ông T1, bà L đã trả còn nợ số tiền gốc 708.500.000 đồng và xin rút yêu cầu đòi tiền lãi.

*** Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 68/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Tân Yên đã quyết định:**

1. Về điều luật: Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3, Điều 144; Điều 147; Điều 244; Điều 271; Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357; khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vương Kiều A tên gọi khác là (T) kiện đòi tiền ông Vũ Xuân T1 và bà Nguyễn Thị L;

Buộc ông Vũ Xuân T1, bà Nguyễn Thị L trả chị Vương Kiều A và anh Phạm Xuân H số tiền 708.500.000đ (bẩy trăm linh tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Đình chỉ đối với yêu cầu của chị Vương Kiều A đòi ông Vũ Xuân T1, bà Nguyễn Thị L trả 749.000.000đ tiền lãi.

Kể từ sau ngày xét xử ngoài số tiền phải trả bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định điều 357; tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 02/10/2023, ông Vũ Xuân T1 nộp đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kiều A.

Ông Vũ Xuân T1 có đơn đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của ông trong "Giấy biên nhận vay tiền" ngày 05/5/2015 với hoản vay 340.000.000 đồng. Ông khẳng định không vay và không ký giấy vay này.

Tại Kết luận giám định số 540/KL-KTHS ngày 13/3/2024, Phòng K Công an tỉnh B đã kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Xuân T1 dưới mục "người vay ký" trên tài liệu cần giám định (BL 87) với chữ ký, chữ viết của Vũ Xuân T1 trên các tài liệu mẫu là do cùng một người viết ra

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Vũ Xuân T1 trình bày: Ông xác định đã trả xong khoản nợ 926.000.000đ với chị Kiều A. Ông xác định ngoài khoản nợ này, ông không vay khoản nợ nào khác của chị Kiều A. Ông không vay khoản nào là 340.000.000 đồng. Số tiền 340.000.000đ ông đã trả chị Kiều A là trả vào khoản nợ 926.000.000đ. Ông giữ nguyên quan điểm đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông.

Chị Vương Kiều A trình bày: Ông T1 trình bày không đúng và mâu thuẫn với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang, các đương sự chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Vũ Xuân T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên. Ông T1 phải chịu toàn bộ chi phí giám định. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng tại các phiên tòa. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt họ là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Vũ Xuân T1, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Căn cứ vào lời khai của chị Kiều A, ông T1 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: ngày 17/4/2014 dương lịch, ông Vũ Xuân T1 và bà Nguyễn Thị L có vay của vợ chồng chị Vương Kiều A, anh

Phạm Xuân H số tiền 926.000.000 đồng tiền gốc, thời hạn vay 30 ngày, hạn trả nợ ngày 17/5/2014.

[2.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Kiều A xác định ông T1 đã trả cho chị tổng số 217.500.000 đồng tiền gốc, hiện còn nợ lại 708.500.000 đồng tiền gốc. Chị xác định ngày 05/10/2015 âm lịch tức 16/11/2015 dương lịch, ông T1 có vay tiếp của chị một khoản tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) khoản vay này không liên quan đến khoản vay 926.000.000 đồng ngày 17/4/2014. Đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng ngày 16/11/2015 dương lịch, ông T1 đã trả cho chị 975.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 25.000.000 đồng nhưng chị không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, vì khi ông T1 trả tiền, chị không để ý ông T1 đã ghi chữ "hết gốc" vào giấy vay. Do đó chị không khởi kiện khoản vay này. Đối với số tiền 340.000.000 đồng ông T1 trình bày đã trả chị là trả khoản vay ngày 05/5/2015 chứ không phải trả cho khoản vay 926.000.000 đồng.

[2.3] Ông T1 cho rằng không vay khoản vay 340.000.000 đồng ngày 5/5/2015, không ký giấy vay nào với chị Kiều A về khoản vay này. Nhưng theo Kết luận giám định số 540/KL-KTHS ngày 13/3/2024, Phòng K Công an tỉnh B, chữ ký, chữ viết của ông Vũ Xuân T1 trong giấy vay gốc do chị Kiều A cung cấp là của ông Vũ Xuân T1. Lời khai của ông T1 mâu thuẫn với Kết luận giám định nên không có cơ sở chấp nhận ông T1 đã trả 340.000.000 đồng vào khoản vay 926.000.000 đồng trên như ông T1 trình bày.

[2.4] Ông T1 cho rằng khoản vay 1.000.000.000 đồng ngày 16/11/2015 dương lịch là tổng hợp tiền gốc, tiền lãi ông còn nợ từ khoản vay 926.000.000 đồng ngày 17/4/2014, do tin tưởng nên khi viết giấy vay mới, ông không yêu cầu chị Kiều A trả giấy vay cũ. Tuy nhiên, ngoài lời khai, ông T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Trong giấy vay tiền ngày 16/11/2015 không có nội dung nào thể hiện nội dung như ông T1 trình bày.

[2.5] Qua các tài liệu ông Thủy cung c thể hiện: Tất cả các khoản tiền thanh toán cho chị Kiều A, ông T1 đều yêu cầu người nhận phải ký tên, xác nhận việc trả tiền. Do đó, việc ông T1 cho rằng đã trả xong khoản nợ 926.000.000 đồng nhưng không yêu cầu chị Kiều A hủy trả giấy vay hoặc xác nhận là không có căn cứ chấp nhận.

[2.6] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị Kiều A, buộc ông T1, bà L trả số tiền gốc 708.500.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T1.

[3] Về chi phí giám định: Do kháng cáo của ông T1 không được chấp nhận nên ông T1 phải chịu toàn bộ chi phí giám định tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác nhận ông T1 đã nộp đủ chi phí giám định là 3.240.000 đồng.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông T1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Xuân T1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 68/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Về chi phí giám định tại cấp phúc thẩm: Căn cứ Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Vũ Xuân T1 phải chịu 3.240.000 đồng chi phí giám định. Xác nhận ông T1 đã nộp đủ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vũ Xuân T1.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của TAND tối cao;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hương Giang